

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hà Bắc.
2. Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 và ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:100/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc M - Sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2019, bản tự khai ngày 21/5/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Ngọc M qua sự tìm hiểu được một thời gian thì tự nguyện đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/1999. Sau ngày tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ

nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ vợ chồng được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Ngọc M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thị Hồng N, sinh ngày 25/01/2000. Hiện nay, cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã nhiều lần triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Vũ Ngọc M vắng mặt. Vì vậy không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh M vắng mặt nên không có quan điểm của mình đối với vụ án.

Theo biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 18/6/2019 đại diện đoàn thể cũng như đại diện UBND xã B cung cấp: Chị Tuyết và anh Muu tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/1999 tại UBND xã B. Sau cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, đồng thời anh M có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân gần 20 năm nay. Anh M đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã B. Anh M làm nghề tự do nhưng vẫn thường xuyên đi về địa phương. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; vợ chồng có 01 con chung đã trưởng thành đã có gia đình riêng; vợ chồng không nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Ngọc M đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh N vào ngày 24/12/1999 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau đồng thời anh M có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã làm đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M, nhưng anh M không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy chứng tỏ anh M không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị

T và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh M là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Vũ Thị Hồng N - Sinh ngày 25/01/2000. Hiện nay, con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Ngọc M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000388 ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

